

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 3 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Khru Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Kiều Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Tiểu My** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 451/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích N – sinh năm 1993

Đăng ký hộ khẩu: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Chỗ ở: Số M, khóm B, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trí T, sinh năm 1986

Đăng ký hộ khẩu: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Chỗ ở: Số M, khóm B, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Bích N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Trí T tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu ngày 27/7/2012. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng sau đó thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc. Mỗi lần vợ chồng nói chuyện là xảy ra cự cãi, anh T đập phá đồ dùng trong nhà, dẫn đến hai vợ chồng đánh nhau, các con chứng kiến cảnh cha hay đập đồ, đánh mẹ, nên rất sợ. Chị N hiện không còn tình cảm với anh T, đã sống ly thân khoảng 02 năm. Xét thấy hôn nhân không thể duy trì, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên Nguyễn Trọng V, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Trọng M, sinh ngày 19/04/2015. Hai con đang sống cùng chị N và anh T. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng mỗi cháu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Trí Trọng trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị Lê Thị Bích N tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu ngày 27/7/2012. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng từ năm 2017 chị N có biểu hiện không muốn sống chung với anh T, tìm đủ mọi cách làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi. Gia đình hai bên đã khuyên ngăn nhưng đều không có kết quả. Đã ly thân từ năm 2017 đến nay, không có cách nào hàn gắn. Anh T vẫn còn tình cảm với chị N, nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên Nguyễn Trọng V, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Trọng M, sinh ngày 19/04/2015. Hai con đang sống cùng anh T và chị N. Do hiện nay anh T đang đi học, thời gian học là 02 năm, cho nên không có điều kiện nuôi con. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh T đồng ý giao hai con cho chị N nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng theo như chị N yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Bích N đối với anh Nguyễn Trí T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trọng V, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Trọng M, sinh ngày 19/04/2015 cho chị Lê Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trí T được quyền thăm nom cháu Nguyễn Trọng V và cháu Nguyễn Trọng M, không ai được phép cản trở.

Anh Nguyễn Trí T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng V và Nguyễn Trọng M cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng mỗi cháu, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/3/2019.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định về tài sản chung tự thỏa thuận; Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí: Chị Lê Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh Nguyễn Trí T phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào kết quả tranh luận giữa các đương sự tại phiên tòa; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lê Thị Bích N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trí T nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh T có địa chỉ cư trú tại thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích N và anh Nguyễn Trí T tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu ngày 27/7/2012. Nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định pháp luật, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Nhưng tại phiên tòa, chị N và anh T xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, không nói chuyện được với nhau, do nói chuyện với nhau là xảy ra cự cãi từ hơn một năm. Có vài lần sau khi xảy ra cự cãi dẫn đến hai vợ chồng xảy ra xô xát với nhau. Khoảng hai năm nay tuy còn sống chung một nhà nhưng đã sống ly thân.

Chị Ngọc xác định hiện chị N không còn tình cảm với anh T và kiên quyết xin ly hôn. Anh T xác định hiện nay không có cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng anh T xác định vẫn còn thương chị N, nên không đồng ý ly hôn.

Mặt khác, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị N và anh T không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Bích N và anh Nguyễn Trí T xác định quá trình chung sống, có 02 con chung tên Nguyễn Trọng V, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Trọng M, sinh ngày 19/04/2015. Hai con đang sống cùng chị N và anh T.

Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các con tròn 18 tuổi, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng mỗi cháu.

Anh T xác định do hiện nay anh T đang đi học, thời gian học là 02 năm, cho nên không có điều kiện nuôi con. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh T đồng ý giao hai con cho chị N nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các con tròn 18 tuổi, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng mỗi cháu.

Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung là cháu Nguyễn Trọng V, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Trọng M, sinh ngày 19/04/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc cháu V và M, không ai được phép cản trở.

Anh T cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các con tròn 18 tuổi, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng mỗi cháu, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/3/2019.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất xác định về tài sản chung tự thỏa thuận; về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Trí T phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Bích N đối với anh Nguyễn Trí T. Chị Lê Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Trí T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trọng V, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn Trọng M, sinh ngày 19/04/2015 cho chị Lê Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Trí T được quyền thăm nom cháu Nguyễn Trọng V và cháu Nguyễn Trọng M, không ai được phép cản trở.

Anh Nguyễn Trí T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng V và Nguyễn Trọng M cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng mỗi cháu, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/3/2019.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định về tài sản chung tự thỏa thuận; Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Lê Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0000142 ngày 07/12/2018** tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Trí T phải nộp 300.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- UBND xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam